Chi tiết mã HS 3209.90.00

Mã HS	3209.90.00
Mô tả hàng hóa	Sơn và vecni (kể cả các loại men tráng (enamels) và dầu bóng) làm từ các loại polyme tổng hợp hoặc các polyme tự nhiên đã biến đổi về mặt hóa học, đã phân tán hoặc hòa tan trong môi trường nước / - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	01/11/2026 23:41:44
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/32099000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4875
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4875
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4875
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-TH)	0% (trừ TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục F)	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	5,5	5,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	6	6%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0/0/0/5	0 / 0 / 0 / 5 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4765
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4726
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4726
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4726
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4726
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4726
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4726
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4770
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4770

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4770
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4770
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4770
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4770
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4768
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4768
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4768
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4768
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4768
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4768
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4768
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4732
AIFTA	30/12/2022	2022	6	AI!F4728
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	6	AI!G4728
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	6	AI!H4728
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	6	AI!I4728
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	6	AI!J4728
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	6	AI!K4728
VKFTA	2022	2022		VK!4733
VKFTA	2023	2023		VK!4733
VKFTA	2024	2024		VK!4733
VKFTA	2025	2025		VK!4733
VKFTA	2026	2026		VK!4733
VKFTA	2027	2027		VK!4733
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4775
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4775

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4775
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4775
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4775
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4775
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4772
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4772
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4772
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4772
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4772
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4772
AHKFTA	2022	2022	10	AKH!D4780
AHKFTA	2023	2023	10	AKH!E4780
AHKFTA	2024	2024	10	AKH!F4780
AHKFTA	2025	2025	10	AKH!G4780
AHKFTA	2026	2026	10	AKH!H4780
AHKFTA	2027	2027	10	AKH!I4780
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D4751
EVFTA	2023	2023	3,3	EV-NK!E4751
EVFTA	2024	2024	1,6	EV-NK!F4751
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4751
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4751
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4751
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D4753
UKVFTA	2023	2023	3,3	UKV!E4753
UKVFTA	2024	2024	1,6	UKV!F4753
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4753

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4753
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4753
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4751
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4751
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4751
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4751
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4751
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4751
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4751
RCEP A	2022	2022	9	RCEPT-A!D4772
RCEP A	2023	2023	8	RCEPT-A!E4772
RCEP A	2024	2024	7	RCEPT-A!F4772
RCEP A	2025	2025	6	RCEPT-A!G4772
RCEP A	2026	2026	5	RCEPT-A!H4772
RCEP A	2027	2027	4	RCEPT-A!I4772
RCEP B	2022	2022	9	B!D4772
RCEP B	2023	2023	8	B!E4772
RCEP B	2024	2024	7	B!F4772
RCEP B	2025	2025	6	B!G4772
RCEP B	2026	2026	5	B!H4772
RCEP B	2027	2027	4	B!I4772
RCEP C	2022	2022	9	C!D4772
RCEP C	2023	2023	8	C!E4772
RCEP C	2024	2024	7	C!F4772
RCEP C	2025	2025	6	C!G4772
RCEP C	2026	2026	5	C!H4772

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	4	C!I4772
RCEP D	2022	2022	9,1	D!D4772
RCEP D	2023	2023	8,2	D!E4772
RCEP D	2024	2024	7,3	D!F4772
RCEP D	2025	2025	6,4	D!G4772
RCEP D	2026	2026	5,5	D!H4772
RCEP D	2027	2027	4,5	D!I4772
RCEP E	2022	2022	9	E!D4775
RCEP E	2023	2023	8	E!E4775
RCEP E	2024	2024	7	E!F4775
RCEP E	2025	2025	6	E!G4775
RCEP E	2026	2026	5	E!H4775
RCEP E	2027	2027	4	E!I4775
RCEP F	2022	2022	9	F!D4772
RCEP F	2023	2023	8	F!E4772
RCEP F	2024	2024	7	F!F4772
RCEP F	2025	2025	6	F!G4772
RCEP F	2026	2026	5	F!H4772
RCEP F	2027	2027	4	F!I4772
VIFTA	2024	2024	8	VI!F4400
VIFTA	2025	2025	6	VI!G4400
VIFTA	2026	2026	4	VI!H4400
VIFTA	2027	2027	2	VI!I4400

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 10%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (10%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 10%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3209.90.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 3209.90.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4875), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.